

TƯ LIỆU : Hồ Chí Minh và ĐCSVN

Một bài viết quan trọng của nhà nghiên cứu Đào Phan

Từ Chính cương và sách lược văn tắt của Hồ Chí Minh đến Luận cương Chính trị của Trần Phú

Một nghịch cảnh cần làm sáng tỏ

Đào Phan

Chúng tôi xin giới thiệu dưới đây một tài liệu quan trọng. Đó là bài viết gửi tới lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam năm 1990. Tác giả của nó là nhà nghiên cứu **Đào Phan**. Tên thật là **Đào Duy Dĩnh**, em trai nhà sử học Đào Duy Anh, Đào Phan tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi. Ông đã từng giữ nhiệm vụ bí thư thành uỷ Huế và bí thư thành uỷ Hà Nội Đảng cộng sản Việt Nam.

Bài viết này là một nghiên cứu nghiêm túc, nêu lên những vấn đề thực chất, bị che giấu trong suốt hơn nửa thế kỉ vừa qua : tư tưởng và đường lối chủ trương của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhiều lần bị lên án là "mập mờ", "sai lầm", "hữu khuynh", "dân tộc chủ nghĩa"... Tình trạng ấy trong thập niên 1930 đã được tác giả phân tích tường tận. Người ta có thể đặt câu hỏi : năm 1941, khi Nguyễn Ái Quốc đặt chân tới hang Pắc Bó, nếu ban lãnh đạo tả khuynh và staliniên của ĐCSVN không bị chính quyền thực dân đàn áp và thủ tiêu hầu như hoàn toàn sau cuộc phiêu lưu Nam Kỳ khởi nghĩa, liệu ông có thể được chấp nhận như lãnh tụ không ? Câu hỏi hoàn toàn không có tính chất "chính trị giả tưởng", mà có cơ sở thực tế, nếu chúng ta nhớ rằng không ít cán bộ cộng sản trong thập niên 1930 được đào tạo giống như Trần Ngọc Danh (em ruột tổng bí thư Trần Phú). Trần Ngọc Danh (lúc đó là uỷ viên dự khuyết Trung ương ĐCS), năm 1946, được chủ tịch Hồ Chí Minh ở lại Pháp làm tổng đại diện Việt Nam dân chủ cộng hoà. Năm 1948, ông tự ý rời Paris sang Praha (Tiệp Khắc). Từ đó đến tháng giêng 1950 (khi Hồ Chí Minh sang Moskva gặp Stalin và Mao Trạch đông), Trần Ngọc Danh đã gửi ít nhất ba bản báo cáo phê phán kịch liệt đường lối đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. Đây là một ví dụ : « Vào thời điểm tự giải tán, ĐCSĐĐ đã bị các thành phần tiểu tư sản dân tộc lũng đoạn, vốn sau nhiều thời kỳ nằm im, luôn giữ tư tưởng ly khai, từ bỏ và thiếu lòng tin vào lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản. Yếu tố gây bất ổn định lớn nhất là chính cá nhân Hồ Chí Minh. Để hiểu về điều này, chỉ cần các đồng chí xem lại đường lối của ĐCSĐĐ đưa ra năm 1941, tức là, đúng thời điểm ông Hồ bắt đầu tham gia trực tiếp vào vũ đài chính trị Đông Dương<!--[endif]--> », xu hướng dân tộc chủ nghĩa của Hồ Chí Minh thể hiện « một sự lệch lạc, đi ngược với chủ nghĩa Mác-xít, Lê-nin-nít, Stalin-nít, nên đã khiến ông ta [Hồ Chí Minh] trở thành người chống đảng và thù nghịch với Liên Xô. » (báo cáo đề ngày 10.1.1950, hồ sơ số 425 (4384-4473) Ban chấp hành Đảng Cộng sản Liên Xô, Moskva, dẫn theo Christopher E. Goscha, 'Courting Diplomatic Disaster ? The Difficult Integration of Vietnam into the Internationalist Communist Movement (1945-1950)', *Journal of Vietnamese Studies*, vol. 1, nos. 1-2, (2006), pp. 59-103).

Nhà nghiên cứu Đào Phan đã biên soạn tài liệu này vào năm 1990, khi ĐCSVN chuẩn bị Đại hội lần thứ VII. Từ đó đến nay, ĐCSVN luôn luôn đề cao "tư tưởng Hồ Chí Minh", nhưng "tư tưởng" đó là "tư tưởng Hồ Chí Minh" hay "tư tưởng Trần Phú" ? Thực ra, các đợt tuyên truyền hàng năm thường chỉ xoáy quanh khẩu hiệu " *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* ". Trong bối cảnh tham nhũng tràn lan, hệ thống và tổ chức, đó chỉ còn là chiếc lá nho thảm thương. Khác nào thoả mạ người đã khuất.

N. N. G.

Đã đến lúc có thể mở bức màn che ẩn một nghịch cảnh đầu tiên trên chương lịch sử của Đảng và của Hồ Chí Minh, mà cũng là một nghịch lý ít ai ngờ tới ngay trong thời đại mới của nước ta : Đó là việc bản "Chánh cương của Đảng" do Bác Hồ đưa ra Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930 đã bị Hội nghị Trung ương ngay tháng 10 cũng năm 1930 xoá bỏ và thay thế bằng "Luận cương chánh trị" của Trần Phú bấy giờ vừa trở về nước ! ⁽¹⁾ Vậy thì giờ đây khi bàn về xây dựng Đảng, Đảng ta sẽ dựa vào "Chánh cương" từ lúc đầu của Bác Hồ, hay là vẫn theo "Luận cương" của Trần Phú viết ra sau đây? Một vấn đề bật ra như thế hiển nhiên đang đòi hỏi những tư liệu được truy cứu rất xác thực trong các văn kiện qua sáu chục năm lịch sử của Đảng ta.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1930 được triệu tập dưới sự chủ tọa của Hồ Chí Minh, lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc, là Ủy viên Bộ phận Đông, phụ trách Cục phương Nam của Quốc tế cộng sản. Trong "Lời kêu gọi" sau khi Đảng ta được thành lập, do Bác ký tên "thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng cộng sản Việt Nam", Bác đã viết rõ rằng: "Nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ" trong việc tổ chức ra Đảng ta với chính cương, sách lược, chương trình, điều lệ của Đảng ⁽²⁾.

Đảng ta vẫn trước sau khảng định nhất quán việc Hội nghị thành lập Đảng đã : "Quyết định thống nhất ban tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt và điều lệ Đảng do Bác thảo ra", Đảng cũng nhấn mạnh rằng : "Xuất phát từ tính chất xã hội Việt Nam vốn là nước thuộc địa và nửa phong kiến, trên cơ sở nội dung cuốn Đường cách mạng, chính cương và sách lược của Đảng" do Người khởi thảo là chính cương và sách lược được xác định cho cách mạng nước ta. Đảng đặc biệt nêu bật rằng : "Hội nghị thành lập Đảng có tầm quan trọng ngang một Đại hội, vì nó đề ra đường lối, chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam và những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng" ⁽³⁾.

Vậy thì phải chăng là điều trái nghịch "xây dựng Đảng" khi Trần Phú vừa tốt nghiệp trường Đại học ở Liên Xô, lại về triệu tập gấp một Hội nghị Trung ương Đảng trong tháng 10 cũng năm 1930, để ra nghị quyết xoá bỏ cả các văn kiện vừa được thông qua ngay tại "Hội nghị thành lập Đảng có tầm quan trọng ngang một Đại hội" và do "đại diện của Quốc tế cộng sản là Nguyễn Ái Quốc đã chủ tọa" ? Bản nghị quyết của Hội nghị Trung ương do Trần Phú về triệu tập đã nêu rõ hai quyết định quan trọng nhất là : "a) Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ cũ của Đảng" do Bác Hồ biên soạn ; "b) Bỏ tên "Việt Nam cộng sản Đảng" mà lấy tên "Đông Dương cộng sản Đảng". Và bản nghị quyết đó của Hội nghị Trung ương kia còn quy kết cả cho "Hội nghị hiệp nhất" là đã sai lầm về chính trị..., sai lầm về sách lược..., sai lầm về điều lệ và tên Đảng..., quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm" ⁽⁴⁾.

Trong lúc quyết định xoá bỏ "Chánh cương của Đảng" do Bác Hồ vừa khởi thảo, cuộc Hội nghị Trung ương này lại cũng đã thông qua bản "Luận cương

chánh trị” của Trần Phú đưa ra thay thế. Vậy thì điều gì suốt trong sáu chục năm qua đã làm cho cả đảng viên và nhân dân vẫn cứ tưởng rằng “Luận cương” của Trần Phú là “Cương lĩnh” đầu tiên để xây dựng một Đảng do Bác Hồ đã sáng lập và đào luyện ? Mặc dầu các văn kiện quan trọng đó từ lâu vẫn được Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cất giữ. Và mãi tới nay Tạp chí Lịch sử Đảng mới có thể đưa ra một lời kêu gọi là : “Đã đến lúc các nhà sử học phải hiệu chỉnh lại những đánh giá sai lầm về Chánh cương vắn tắt và sách lược vắn tắt (do Bác Hồ viết) và Luận cương chính trị (của Trần Phú)... Hãy trả về đúng chỗ đứng Lịch sử của bản Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng do Hồ Chí Minh khởi thảo là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng ta” (5).

Hiển nhiên bấy giờ Trần Phú phải hành động theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản đã đặt dưới sự lãnh đạo của Stalin sau ngày Lenin qua đời. Thế nhưng vấn đề trước tiên cần được minh định hôm nay là trong thư gửi các cấp Đảng bộ tháng 12-1930, Trung ương của “Đảng cộng sản Đông Dương” vừa do Trần Phú về làm Tổng Bí thư cũng phải ghi nhận Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930 là “Đại hội hiệp nhất” Đảng. Vậy thì dựa vào nguyên tắc tổ chức nào “Hội nghị Trung ương do Trần Phú về triệu tập ngay tháng 10 cũng trong năm đó lại cứ tự mình đổi tên “Đảng cộng sản Việt Nam” và xoá bỏ luôn “Chánh cương, sách lược, điều lệ” của Đảng vừa được thông qua ngay tại “Đại hội hiệp nhất” dưới sự chủ tọa của Bác là đại diện chính thức của Quốc tế Cộng sản ?

Phải chăng đây là một ngoại lệ khi một Hội nghị Trung ương có thể xoá bỏ các quyết định của một Đại hội toàn quốc ? Khi bản nghị quyết tháng 10 và tiếp liền đó là bức thư tháng 12 kia của Trung ương do Trần Phú làm Tổng Bí thư có thể tự mình quy kết thiếu chân thực rằng : “Hội nghị hiệp nhất đã chủ trương các công việc rất sơ sài, mà có nhiều điều không đúng với chủ trương của Quốc tế”. Rồi cũng bức thư này còn viện cố là “Lâm thời Trung ương cử ra sau lúc Hội nghị hiệp nhất không nhóm một lần nào”, - mặc dầu chỉ mới hơn nửa năm trong hoàn cảnh bị khủng bố - mà xoá bỏ luôn Lâm thời Trung ương từ Hội nghị thành lập Đảng và biện bạch rằng : “Công việc nặng nề của Trung ương (mới) là phải làm cho rõ ràng những sự mập mờ, sửa đổi những sai lầm trong công việc “Hội nghị hiệp nhất” (6). Tức là sửa đổi những sự “mập mờ” và những “sai lầm” trong công việc của Bác Hồ từ cuộc Hội nghị thành lập Đảng ta!

Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930 đã quy kết cho “Đại hội hiệp nhất” một sai lầm to lớn trong việc đặt tên Đảng. Vậy thì quyết định bỏ tên “Đảng cộng sản Việt Nam” và thay đổi thành “Đảng cộng sản Đông Dương” phải chăng đã làm biến hoá ngược hẳn cả từ đường lối chiến lược cho đến đường lối tổ chức của Đảng ta ? Khi giải thích rằng “Đảng chúng ta phải lấy tên là Đảng cộng sản Đông Dương thì mới đúng”, bức thư đầu tháng 12 năm 1930 của Trung ương vừa thay thế cũng xác định rõ rằng: “Vấn đề “tên” Đảng nói qua thì tưởng là việc hình thức, việc nhỏ thôi, nhưng kỳ thực nó có quan hệ lớn vì nó có thể ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của Đảng”. Tờ truyền đơn của

“Đông Dương cộng sản đảng” lúc đó “giải thích việc đổi tên Đảng “còn lập luận một cách nguy biện rằng “Ba xứ Việt Nam, Cao Miên, Lào, tuy thường gọi là ba nước nhưng kỳ thực chỉ thành một xứ mà thôi”. Rồi bức thư tháng 12 kể trên của Trung ương lại biện bạch cho việc phải đổi tên là Đảng cộng sản Đông Dương vì: “Ba xứ ấy đều bị một đế quốc Pháp áp bức, nằm dưới một chính phủ đế quốc thống nhất ở Đông dương” (7).

Lập luận nguy biện đó đã xoá cả “ba nước” vốn có tư cách là ba quốc gia dân tộc trải qua lịch sử lâu đời, để cố ghép thành “một xứ” mang tên Đông Dương. Chính thực dân Pháp cũng đã sáp nhập “ba nước” Việt Nam, Cao Miên, Lào thành “một xứ” để toan xoá mất bản sắc dân tộc và tư cách quốc gia của mỗi cộng đồng từng có chủ quyền riêng trên đất mình. Cách thôn tính rồi sáp nhập các dân tộc bị xâm lược vào chung một tên để xoá mất bản sắc dân tộc và tư cách quốc gia của họ như thế, vốn là một thủ đoạn của các triều đại phong kiến xâm lược xưa mà sử sách gọi bằng chữ “kiêm tính”, còn khi nói về “Sắc lệnh hoà bình” cuối năm 1917, thì chính Lênin đã lên án sự “kiêm tính của bọn Đại Nga”, và vạch rõ rằng đó là “thôn tính các lãnh thổ bên ngoài cho nên chính quyền Xô viết phải “tuyên bố xoá bỏ tức khắc” và không điều kiện” (8).

Thế nhưng tới ngày Lênin đã ốm nặng và không còn điều hành các việc quan trọng được nữa, thì Stalin lại đưa ra một cơ chế thống nhất các nước cộng hoà dân tộc hợp thành Liên bang Xô viết, mà ngay bấy giờ Lênin liền phải phê phán nghiêm khắc rằng “vẫn chỉ là cái cơ chế của nước Nga” trước kia, và tóm lại là “vẫn mượn cơ chế cũ của Nga hoàng” rồi chỉ tìm các “phết nhẹ cho nó một lớp véc ni Xô viết” (9).

Phương án của Stalin bị Lênin bác bỏ phải chăng có thể làm sáng tỏ thêm vì sao Trần Phú được cử gấp trở về nước đổi tên “Đảng cộng sản Việt Nam” thành ra “Đảng cộng sản Đông Dương”, cũng đã tìm cách sáp nhập cả Lào và Cao Miên vào Đảng của Việt Nam bằng việc “làm cho Lào và Cao Miên có Đảng bộ”, mà hồi đó thực tế chỉ gồm người Việt Nam chứ chưa hề thấy ai là cộng sản người Lào hoặc Cao Miên.

Ngay từ đầu “định tên Đảng là Đảng cộng sản Việt Nam” Bác Hồ đã phân tích cụ thể với các đại biểu trong cuộc hội nghị hợp nhất rằng: “Cái từ Đông Dương rất rộng và theo nguyên lý chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt buộc các dân tộc khác gia nhập Đảng mình, làm như thế là trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ Việt Nam hợp với cả ba miền (Trung, Nam, Bắc) và không trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc” (10).

Rõ ràng cũng là “nguyên lý chủ nghĩa Lênin” mà từ sau ngày Lênin qua đời, Bác Hồ đã hiểu và làm khác hẳn “nguyên lý chủ nghĩa Lênin” do Stalin từng diễn giải bằng một tác phẩm được áp dụng từ Liên Xô sang Việt Nam.

Trong việc đổi tên “Đảng cộng sản Việt Nam” thành ra “Đảng cộng sản Đông

Dương” cuối năm 1930, phải chăng có mối liên hệ với việc Bác đã tuyên bố giải tán “Đảng cộng sản Đông Dương” cuối năm 1945, rồi tới đầu năm 1951, thì lại khôi phục không phải “Đảng cộng sản Đông Dương” mà là “Đảng lao động Việt Nam” ? Một khi Người đã có điều kiện để trả lại cho Lào và Cao Miên quyền dân tộc tự quyết đúng với nguyên lý chủ nghĩa Lenin, như Người từng giải thích trung thực tại Hội nghị thành lập Đảng ta. Thế nhưng hai chục năm trước thời điểm có thể khôi phục với tên “Đảng lao động Việt Nam”, ngay lúc “Đảng cộng sản Việt Nam” bị áp đặt làm cho Lào và Cao Miên có Đảng bộ để sáp nhập thành “Đảng cộng sản Đông Dương”, chính việc đổi tên Đảng cũng đã gặp phải những sự phản kháng không nhỏ ở trong Đảng bấy giờ.

Chính bức thư do Trung ương của “Đảng cộng sản Đông Dương” gửi cho các cấp Đảng bộ ngày 9 tháng 12 năm 1930 đã ghi nhận là : “Ở Bắc Kỳ thì giải thích rằng vì dân tộc tự quyết của Lenin nên không thể bắt vô sản Cao Miên và Lào vào Đảng với mình được. Ở Trung Kỳ thì nói rằng Đảng ta do sự hiệp nhất Tân Việt, Cộng sản Liên đoàn và An Nam cộng sản đảng mà ra, nên cái tên phải do sự liên kết chữ “Việt” và chữ “Nam” để biểu hiện sự hiệp nhất của hai đoàn thể. Ở Nam Kỳ lại cho rằng lấy tên An Nam thì hẹp quá, còn lấy tên Đông Dương thì rộng quá, nên phải lấy tên Việt Nam”. Mỗi đảng bộ đã bày tỏ sự phản đối một cách khác nhau, song không đảng bộ nào muốn chấp nhận tên gọi “Đảng cộng sản Đông Dương”. Bức thư trên đây còn nêu thêm rằng :

“Đối với án nghị quyết và thư, chỉ thị của Quốc tế thì các Đảng bộ Trung, Nam, Bắc đều tỏ ra thái độ lãnh đạm. Những kế hoạch lập Đảng và nhiệm vụ hiện thời mà Quốc tế Cộng sản đã chỉ bảo rõ ta trong án nghị quyết và thư, chỉ thị đã gửi tới Trung, Nam, Bắc từ hồi tháng hai tháng ba năm nay, nghĩa là hai ba tháng sau khi hiệp nhất, thế mà các Đảng bộ các kỳ đều bỏ xó, đến nay (là tháng chạp Tây năm 1930) không thừa nhận và không hết sức thi hành. Ở Nam Kỳ, vấn đề án nghị quyết và thư, chỉ thị của Quốc tế đã hai, ba lần đề nghị Lâm thời xử uỷ nhưng bị đa số phản đối. Nhiều đồng chí lấy lẽ rằng Quốc tế đã tổ chức ra Đảng cộng sản Việt Nam, những kế hoạch của Đại hội hiệp nhất đã định đều là của Quốc tế Cộng sản”⁽¹¹⁾.

Tiếp đến hai bức thư của Bác Hồ viết ngày 20 và 23 tháng 4 năm 1931 từ ngoài nước gửi Ban chấp hành Trung ương của “Đảng cộng sản Đông Dương” do Trần Phú làm Tổng Bí thư cũng nêu xác thực về các biểu hiện đó bấy giờ mà Bác nói rõ là việc “phản đối chỉ thị Quốc tế” từng diễn ra trong Đảng bộ Trung Kỳ và cả Đảng bộ Bắc Kỳ. Vì hai bức thư viết trong bí mật, Bác dùng những chữ tắt cần giải mã như : “T” tức là Trung kỳ, “B” tức là Bắc kỳ, “Đ” tức là Quốc tế Cộng sản, và “Hội nghị Octobre” tức là Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930 bỏ tên “Đảng cộng sản Việt Nam”. Ở đoạn nói về “Vấn đề tên Đảng”, bức thư đề ngày 20 đã viết cụ thể : “Trung đề nghị chờ bao giờ Cao Miên và Lào có Đảng rồi sẽ nhập các Đảng lại và đổi tên. Thế là các đồng chí Trung không hiểu chỉ thị Quốc tế nói rằng Đảng phải gồm cả vô sản ở Đông Dương và không hiểu nhiệm vụ Đảng là phải làm cho Lào và Cao Miên có Đảng bộ. (Trung ương đã in và phát hành chỉ thị quốc tế chưa? Sao thấy trong nghị quyết Bắc có hỏi: Trung ương bảo thảo luận “chỉ thị” là chỉ thị nào?...”⁽¹²⁾.

Rồi tới bức thư đề ngày 23, ở đoạn nói về “Vấn đề nhiệm vụ tới”, Bác Hồ cũng nhắc lại việc “B phản đối chỉ thị Quốc tế” tức là xứ uỷ Bắc kỳ phản đối. Và người còn nêu rõ mối quan hệ đã bị nhiễu loạn đối với người từ sau Hội nghị tháng 10 năm 1930, tới mức Trung ương mới do Trần Phú đứng đầu lại có thể xác xược nhận xét nhà sáng lập của Đảng ta là “vô lý và lộn xộn”, khi Bác nhắc Trung ương gửi báo cáo cho người bấy giờ vẫn là uỷ viên Bộ phương Đông và phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản. Không chấp nhận việc gửi báo cáo sang cho người như trước đó nữa, phải chăng là ngầm phủ nhận cương vị của Bác mà chưa có thể làm sao cho Quốc tế Cộng sản gạt bỏ ngay được ? Bác đã phải nói rõ cảnh éo le của người trong thư gửi về Trung ương do Trần Phú làm Tổng Bí thư rằng Quốc tế : “Họ thường hỏi tôi vì sao mà bị lộ ? Vì sao mà bị ? Để suy nghĩ và tìm cách sửa đổi. Nhưng trong không báo cáo ra, cho nên tôi cũng ú ớ !...” Chính vì Trung ương không gửi báo cáo ra cho Bác nữa, khiến người phải nêu “Vấn đề nhiệm vụ tới” một cách minh bạch như sau :

a) Từ ngày Hội nghị Octobre, tôi nghĩ trong nước đã có Trung ương, ngoài đã có Đ (tức là Quốc tế Cộng sản), vậy nên công việc tôi chỉ là như “thùng thơ”. Vậy nên tôi xin Đ đổi chỗ, vì “thùng thơ” thì người khác cũng làm được. Vì thế mà Đ có thơ định trách nhiệm cho tôi (thơ đó tôi có gửi copie cho Trung ương) - tức bản sao.

b) Nếu Trung ương báo cáo thường - tức đều đặn - và rõ ràng (détaillé) thì chúng tôi không đòi báo cáo các nơi làm gì, song từ ngày Hội nghị tháng 10 năm 1930 đến nay, Trung ương chưa có lần báo cáo nào tương tự hết. Như việc B phản đối chỉ thị Quốc tế mà cũng đến bây giờ - tháng 4 năm 1931 - người quen và Trung ương mới nói đến ! Vẫn biết hoàn cảnh khó khăn và Trung ương lắm việc, nhưng “họ” cũng cần phải biết tình hình rõ ràng và cũng vì vậy mà phải yêu cầu các nơi báo cáo. Nhờ hai tờ báo cáo Xứ hội nghị gửi ra, mới biết hơi rõ vì không thấy báo cáo nữa, và “họ” đương hỏi cho được báo cáo Nam kỳ. Và lại khi trước (Octobre) chúng ta đã khẳng định rằng, hễ các nơi báo cáo thì làm hai bản, một gửi cho Trung ương, một gửi ra (cho Bác là đại diện của Quốc tế). Thế là đỡ việc cho Trung ương, và Quốc tế lại biết rõ tình hình, Đ cũng tán thành cách đó. Như vậy thì có gì là “vô lý” và “lộn xộn” ?

c) Tôi không trao kế hoạch gì riêng cho T và B (tức Trung kỳ và Bắc kỳ), chỉ có những thông báo gấp như về ngày 1-5, những chỉ thị đại khái như chỉ thị vừa rồi và những tài liệu nghiên cứu dịch ra thì tôi cứ vẫn gửi ba bản cho Trung ương và T và B (Trung ương lúc đó đóng tại Nam kỳ). Làm như thế là cho mau, cho tiện và cho chắc chắn (nếu chỗ này không tiếp được thì có chỗ khác tiếp).

d) Thơ vừa rồi Trung ương nói : “Chỉ có việc giao thông và báo chương thì tôi giao thiệp với “họ”, chứ báo cáo thì vô lý và “lộn xộn”. Nếu làm như đã nói trên, thì chẳng những không có gì là “vô lý” và “lộn xộn”, mà lại chạy việc lắm. Nếu không vậy thì tôi giao thiệp với T và B cũng không có tác dụng gì.

e) Thơ Trung ương tôi cứ vậy gửi đi rồi - tức Bác gửi Quốc tế cả bức thư của

Trần Phú gửi ra nhận xét Bác là “vô lý” và “lộn xộn”, rồi quy định cho Bác từ đó chỉ làm “giao thông” và “báo chương”, khiến Bác phải nói rằng công việc ấy sẽ biến người chỉ còn như một “thùng thư” ! Tuy thế trong thư người cũng nói rõ với Trung ương là ngay sau đây Quốc tế đã “có thư định trách nhiệm cho tôi”, chứ không phải chỉ làm một “thùng thư” như Bác còn viết tiếp rằng : “Nhiệm vụ tôi đã làm như thơ Đ đã định, cho nên khi có việc gì Đ cũng nói với tôi, mà khi tôi có ý kiến gì (như phê bình T và B mới đây) cũng có Đ đồng ý.

“Vậy nên khi Đảng nghị định hoặc yêu cầu gì thì tôi cũng nên biết. Nếu không biết gì cả, khi “họ” hỏi đến, tôi biết đường nào mà nói. Nếu chỉ biết truyền thơ qua, đưa thơ lại, nếu không tham gia ý kiến với Đ và với Trung ương, thì tôi ở đây cũng không ích gì lắm. Vì việc đưa thơ thì đồng chí khác cũng làm được...” (13).

Hai bức thư trên đây của Bác Hồ viết trong thời điểm tháng 4 năm 1931 đã có thể góp vào những bằng chứng về cái nghịch cảnh mà Người bị áp đặt ngay sau Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930 do Trần Phú về triệu tập theo “chỉ thị và thư của Quốc tế”. Phải chăng nghịch cảnh ấy đối với nhà sáng lập của Đảng ta lại đã có nguyên do từ cái nghịch lý trong việc đổi tên Đảng và xoá bỏ cả chính cương và điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam do Bác Hồ vừa xác định tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 2 năm 1930 ? Thật rõ ràng sự nhiễu loạn đối với Bác tới mức coi việc người nhắc hỏi báo cáo là điều “vô lý” và “lộn xộn”, đã có nguồn gốc gần nhất ở bản “Luận cương chính trị” và bản “Nghị quyết trung ương” của Trần Phú”, từng quy kết những “sai lầm rất nguy hiểm” cho cuộc “Đại hội hiệp nhất”, kể từ “sai lầm chính trị” tiếp đến “sai lầm về điều lệ và tên Đảng”, để rồi đòi hỏi “làm cho Đảng bôn-sê-vích hoá” (14).

Phải chăng đó là một cách “bôn-sê-vích hoá” mà thực chất là “Stalin hoá” khác hẳn nguyên lý chủ nghĩa Lênin về xây dựng Đảng ? Một cách “bôn-sê-vích hoá” bắt đầu từ “vô hiệu hoá” nhà sáng lập của Đảng cộng sản đã kế thừa các tư tưởng của Lênin, các di sản của dân tộc và nhân loại được nhận thức từ học thuyết Mác !

Cách xử trí hết sức thô bạo đối với Bác Hồ bấy giờ rõ ràng cũng là một sự trấn áp vốn rất quyết liệt cả về tư tưởng và về tổ chức đối với Đảng cộng sản Việt Nam vừa được thành lập. Sự trấn áp thô bạo kia hiển nhiên bắt nguồn từ chỗ nghị quyết Trung ương tháng 10 năm 1930 đã quy kết rằng “Chính cương” và “sách lược” của Đảng cộng sản Việt Nam là “quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”, còn “điều lệ” và “tổ chức” của Đảng thì “mất cả ý nghĩa giai cấp tranh đấu” trong lúc “giai cấp tranh đấu của công nông chống đế quốc, tư bản và địa chủ lại sâu sắc hơn và quan trọng nhất, càng ngày càng có tánh chất kịch liệt” (15).

Những điều kết luận ấy do Trần Phú mang từ Liên Xô về Việt Nam hồi đó đã có liên hệ với các quan điểm của Stalin từng lập luận rằng “vấn đề dân tộc là một vấn đề thứ yếu”, và bên cạnh nó thì cuộc “đấu tranh giai cấp ngày càng diễn biến quyết liệt” ngay trong giai đoạn quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là cho đấu

tranh giai cấp trở thành vấn đề quan trọng bậc nhất !

Ngược lại, đứng trên lập trường giai cấp vô sản của Mác và Lênin để nhận thức vấn đề dân tộc, trong việc sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam bấy giờ Bác Hồ đã xét cả về mặt dân tộc chứ không chỉ riêng về giai cấp, khi Bác vạch rõ rằng “không thể bắt buộc các dân tộc khác gia nhập Đảng mình” một cách “trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc”. Trên cương vị một nhà cách mạng phương Đông đi tìm con đường giải phóng dân tộc ngay trong thế giới hiện đại, từ năm 1925 Bác đã khẳng định một hiện thực mà các dân tộc bị áp bức đều có thể cùng nhìn nhận : “Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được... Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga Xô viết là một thứ vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ trong các nước thuộc địa ” (16).

Theo cách hiểu ngay từ đầu của Hồ Chí Minh về các nguyên lý cách mạng của Lênin, thì vấn đề dân tộc cũng có một tầm quan trọng chủ yếu, tới mức nếu không có sự tham gia tích cực của các dân tộc thuộc địa thì cách mạng xã hội không thể có được. Thế nhưng bàn về vấn đề dân tộc ở nước Nga, khi còn là một đế chế đã kiểm soát nhiều dân tộc bị thống trị, từ năm 1913 Stalin lại lập luận rằng: “Vấn đề dân tộc ở nước Nga chỉ là một vấn đề thứ yếu” (17).

Stalin vốn chỉ nhấn mạnh “đấu tranh giai cấp” mà rất coi nhẹ “vấn đề dân tộc” như Lênin nhận xét. Phải chăng đó cũng là sự trái nghịch do Trần Phú đã mang về để đối lập với Nguyễn Ái Quốc khi qui kết cho người là “quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”, khi cũng áp đặt ở nước Việt Nam một thứ quan điểm nêu bật “giai cấp tranh đấu là quan trọng nhất và ngày càng có tính chất kịch liệt” ?

Lập luận nhằm chống lại Nguyễn Ái Quốc không thể chỉ xuất phát từ một Trần Phú - con trai của nhà nho Trần Văn Phổ quê ở Hà Tĩnh đã vào Quảng Ngãi ngồi ghế tri huyện, rồi tự thắt cổ để chống lệnh của công sứ thực dân ép buộc cướp bóc nông dân cơ cực ! Vậy thì bàn tay nào tận bên Liên Xô bấy giờ từng có thể áp đặt cho Bác một nghịch cảnh éo le hồi ấy, bằng cách dựa vào cái lẽ “giai cấp tranh đấu là quan trọng nhất và ngày càng có tính chất kịch liệt” ? Nhất là khi một cán bộ vừa tốt nghiệp trường đại học ở Liên Xô về Việt Nam năm 1930, từng được Nguyễn Ái Quốc dạy cho những bài đầu tiên từ quyển Đường Kách mệnh ngay tại Quảng Châu mới năm 1925 ! Bức thư của Bác viết từ Quảng Châu ngày 18 tháng 12 năm 1924 gửi Chủ tịch đoàn của Quốc tế Cộng sản đã nêu rằng :

“Tôi đến Quảng Châu vào giữa tháng 12. Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia Việt Nam, trong số đó có một người đã xa rời xứ sở từ hai mươi năm nay. Trong cuộc thảo luận, tôi đã giải thích cho ông hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở. Ông đã đồng ý. Và đây là các việc mà chúng tôi đã bắt đầu cùng nhau tiến hành :

a) Tôi đã vạch ra một kế hoạch tổ chức và xin gửi kèm bản sao theo đây.

b) Sau khi tán thành kế hoạch này, ông ấy đã đưa cho tôi một bản danh sách của 14 người Việt Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu.

c) Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người Việt Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức" (18).

"Người đi xa xứ sở" đó chính là nhà yêu nước Phan Bội Châu đã ra đi từ năm 1905. "Kế hoạch tổ chức" được chính nhà cách mạng tiền bối tán thành là quyết định thành lập ngay "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội" trong đó có nhiều thành viên của Đảng Phục Việt do Phan Bội Châu làm thủ lĩnh. Còn Trần Phú là một thanh niên trong bản "danh sách của 14 người Việt Nam" đã được cụ Phan chuyển cho Nguyễn Ái Quốc. Vậy thì sau khi được sang Liên Xô học tiếp mấy năm, tại sao đến ngày vừa nhận nhiệm vụ về nước hoạt động, Trần Phú đã có thể tự mình lập ra một Trung ương mới và làm Tổng Bí thư để xoá bỏ cả "Chính cương" và "Sách lược" của Đảng do Bác xây dựng "trên cơ sở nội dung cuốn Đường Kách mệnh" ?

Lúc Bác Hồ đứng ra thay mặt Quốc tế Cộng sản để triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản trong nước sang Hương Cảng họp dưới sự chủ trì của người, thì chỉ có Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu... tham gia Hội nghị thành lập đảng ngày 3 tháng 2, chứ Trần Phú thì vẫn đang học ở Liên Xô. Vậy mà chỉ nửa năm sau đấy trở về nước, Trần Phú liền lên án gay gắt rằng "Hội nghị hiệp nhứt" đã phạm sai lầm "rất nguy hiểm", cả từ Chính cương và Sách lược cho đến điều lệ và tổ chức của Đảng cộng sản Việt Nam. Sự lên án gay gắt đó còn cứ tiếp tục mãi tới sau ngày Bác đã thoát khỏi ngục Hương Cảng và lại bí mật tìm sang Liên Xô qua bao gian nan, để rồi đầu năm 1934 được đưa "vào học" một lớp nghiên cứu sinh ! Trong bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 31 tháng 3 năm 1935, "Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương" vẫn quy kết một cách xuyên tạc rằng: "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập mang hệ tư tưởng quốc gia cách mạng pha trộn với tư tưởng cải lương và duy tâm chủ nghĩa" (19).

Tiếp theo đòi hỏi "làm cho Đảng bôn-sê-vích hoá" mà thực chất là "Stalin hoá" do Trần Phú nêu thành nghị quyết, nhằm "vô hiệu hoá" quyển Đường Kách mệnh do Bác Hồ từng đem giảng dạy thành những "nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng", Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương bấy giờ vẫn nhấn mạnh rằng: Tàn dư của tư tưởng quốc gia và chủ nghĩa cải lương còn rất nặng trong Đảng và gây trở ngại nghiêm trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản. Ban lãnh đạo hải ngoại thấy rằng việc đấu tranh không khoan nhượng chống lại lý luận cơ hội chủ nghĩa của "Việt Nam Thanh niên đồng chí Hội" là cần thiết và yêu cầu Nguyễn Ái Quốc phải viết một cuốn sách nhỏ để "tự phê bình" những sai lầm đã mắc phải trong việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam ! Phải chăng báo cáo đó do "Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương" gửi Quốc tế Cộng sản tháng 3-1935 có liên quan tới Đại hội tháng 7 năm 1935 của Quốc tế Cộng sản, khi Nguyễn Ái Quốc chỉ được tham

dự với tư cách là “đại biểu dự thỉnh”, trong lúc Lê Hồng Phong trở thành Ủy viên BCH của Quốc tế Cộng sản và hai đại biểu chính thức nữa của Đảng cộng sản Đông Dương bấy giờ lại là Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn. Nghịch cảnh của Bác vẫn tiếp diễn : một lãnh tụ khai sáng của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930, lại còn được đưa “đi học” và giúp đỡ các “học sinh” trong trường, giữa lúc Quốc tế chằng giao nhiệm vụ nào nữa, rồi tới Đại hội Quốc tế năm 1935 chỉ làm “đại biểu dự thỉnh”!

Kể từ những ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, có một vấn đề hết sức trọng yếu trong việc Bác viết “Chính cương” và “Sách lược” để xây dựng Đảng, mà mãi tới năm 1955 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh mới nhắc lại rằng : Trong lời “Kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông” từ năm 1919, nhằm xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở châu Á, vạch cho các dân tộc “con đường đi tới một đời sống có đủ điều kiện xứng đáng với con người”, Lênin đã nhấn mạnh ở chỗ phải biết:

“Dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước Châu Âu; phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải là chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ”.

Và Bác Hồ còn nêu bật rằng: “Đó là những chỉ thị đặc biệt quý báu đối với một nước như nước chúng tôi là nơi 90% dân số sống về nghề nông, là nơi còn tồn tại rất nhiều những tàn tích của chế độ phong kiến quan lại thối nát” (20).

Bác đã nhắc nhở một đòi hỏi của Lênin đối với “các nhà cách mạng phương Đông” là không thể rập khuôn theo phương Tây, “phải biết” vận dụng cả lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản một cách không thể máy móc “vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước Châu Âu”. Lênin còn nhấn mạnh với các nhà cách mạng phương Đông là phải: “Đem học thuyết cộng sản vốn được viết cho những người cộng sản ở các nước tiên tiến, mà dịch ra tiếng nói của mỗi dân tộc” chưa phát triển và bị nô dịch dưới ách thực dân. Chắc hẳn khi viết Chính cương và Sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, Hồ Chí Minh cũng phải đem học thuyết cộng sản “dịch ra tiếng nói” của chính dân tộc Việt Nam, chứ không rập khuôn hay bắt chước một cách giáo điều theo những công thức xơ cứng.

Cho nên trong lúc nhận thấy lời kêu gọi của Lênin mang những “chỉ thị đặc biệt quý báu” đối với một nước như nước Việt Nam, là nơi đang cần giải quyết một cuộc “đấu tranh không phải chống tư bản”, là nơi mà cuộc đấu tranh chủ yếu không phải là của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư bản trong nước, Bác Hồ đã sớm phòng ngừa cái tệ “một mực bắt chước” khi người nêu rằng: “Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng” (21).

Chắc hẳn cũng vì vậy mà khi viết Chính cương và Sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam, bác Hồ đã đề ra một nguyên tắc trong cuộc cách mạng chống đế quốc và phong kiến ở nước ta là : “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, (thanh niên, Tân Việt, phái Nguyễn An Ninh v.v...) để kéo họ đi về phe giai cấp vô sản. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến v.v...) thì phải đánh đổ. Trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp” (22)

Thế nhưng đến Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930 đổi thành “Đảng cộng sản Đông Dương” thì bản “Luận cương chính trị” của Trần Phú đã lật ngược rằng : “Trí thức, tiểu tư sản, học sinh v.v... là hạng có xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu cho quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản xứ, chứ không phải chỉ bên vực quyền lợi riêng cho tiểu tư sản mà thôi. Trong thời kỳ chống đế quốc chủ nghĩa thì hạng ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi, chúng nó không thể bên vực quyền lợi cho dân cày được, vì chúng nó phần nhiều có giây giởng với bọn địa chủ...” Phủ nhận tất cả ảnh hưởng của các phong trào yêu nước trước năm 1930, Luận cương của Trần Phú còn lên án từ “bọn Huỳnh Thúc Kháng” cho đến “bọn Nguyễn An Ninh”, và đưa ra một quan điểm cực đoan về cuộc đấu tranh giai cấp là : “Sự tranh đấu của giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Điều đặc biệt và quan trọng nhất trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự đấu tranh của quần chúng công nông có tính chất độc lập rõ rệt, chứ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như trước nữa” (23).

Rõ ràng đó là một thứ lập luận hết sức cô độc biệt phái do đã quan niệm sai về đấu tranh giai cấp.

Nghị quyết Trung ương tháng 10 năm 1930 dựa vào luận cương chính trị của Trần Phú còn quy kết cho “Chính cương” và “Sách lược” do Bác Hồ đề ra là phạm “sai lầm rất nguy hiểm” vì đã : “Chia địa chủ làm đại, trung và tiểu địa chủ ; đối với đại địa chủ thì tịch ký ruộng đất, và đối với tiểu, trung địa chủ thì chủ trương lợi dụng họ, ít ra cũng làm cho họ đứng trung lập. Như thế là sai lầm và nguy hiểm”. Bản nghị quyết này lại phê phán thêm rằng : “Trong sách lược nói phải lợi dụng bọn tư bản mà chưa rõ mặt phản cách mạng, ít ra cũng phải làm cho chúng nó trung lập, tức là như biểu Đảng đừng chủ trương công nhận tranh đấu với tư bản xứ nữa” (24).

Trong khi nghị quyết đó nhấn mạnh rằng “giai cấp tranh đấu của công nông” là điều “quan trọng nhất” ngay ở Việt Nam, thì luận cương của Trần Phú cũng từ đầu chí cuối chỉ kêu gọi “mở rộng hàng trận công nông”, không hề nhắc tới “đoàn kết dân tộc” mà chỉ nêu bật “mâu thuẫn giai cấp”. Luận cương của Trần Phú đã vạch ra thành “hàng trận” giữa một phía là “thợ thuyền và dân cày” chống lại bên kia bao gồm tất cả “đế quốc, phong kiến, địa chủ, phú nông, tư bản bản xứ, tiểu tư sản, trí thức, học sinh v.v...” Sự trái ngược căn bản giữa “Luận cương” kia của Đảng cộng sản Đông Dương so với “Chính cương” do Bác

Hồ viết cho Đảng cộng sản Việt Nam vốn khởi thủy là ở điểm ấy : Luận cương của Trần Phú chỉ nhằm mở rộng "hàng trận công nông" và "đấu tranh giai cấp" một cách biệt phái cực đoan ; trong lúc chính cương của Bác Hồ lại nêu bật "mặt trận toàn dân" và "thống nhất dân tộc" nhờ sự tập hợp lực lượng rộng lớn nhất để đánh đổ đế quốc thực dân và chế độ phong kiến, như "Hội nghị hiệp nhất" của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra việc lập "Đồng minh phản đế" tức mặt trận chống đế quốc (25).

Đáng chú ý là ngay sau khi vừa xoá "Chính cương" của Đảng do Bác Hồ đề ra, tự bản chỉ thị tháng 11-1930 của Trung ương do Trần Phú làm Tổng Bí thư vẫn phải ghi nhận trung thực về tình hình ở Nghệ Tĩnh bấy giờ : "Địa chủ, phú nông và một số quan lại nhỏ trong nông thôn đã phân hoá, và một số lớn đã nghiêng về cách mạng, họ đã tỏ ra trọng và phục Đảng cộng sản và phong trào công nông. Giai tầng tư sản nhỏ ở Nghệ Tĩnh như buôn bán đều có ý thức, xu hướng cách mạng" (26).

Thế nhưng mới sang đầu năm 1931 thì Xứ uỷ Trung kỳ của Đảng cộng sản Đông Dương đã vội "làm cho Đảng Bôn-sê-vích hoá" bằng một chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ "thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ" ! Rồi tiếp đấy chẳng bao lâu sau khi Trần Phú bị Pháp bắt ngày 18 tháng 4-1931, thì có chỉ thị Trung ương ngày 20 tháng 5-1931 gửi Xứ uỷ Trung kỳ để ngăn chặn việc "thanh trừ trí phú địa hào", và lại nhấn mạnh tinh thần căn bản đúng như Đồng minh phản đế đã nêu : "Xuất phát từ chỗ giác ngộ phản đế, ghét Pháp từ trước tới nay, nên trong hàng ngũ Đảng có những thư gia đệ tử, cựu nho, trung, tiểu, địa chủ, phú nông, trung nông ở nông thôn, và một số giáo viên, học sinh chữ Pháp, một số tiểu thương, tiểu chủ hay con nhà tiểu thương, tiểu chủ ở thành thị, cùng với một số thợ xí nghiệp, một số công chức, tổ chức hỗn hợp lại trong một phong trào... Nhưng đa số đồng chí hết sức trung thành, đã hiến thân cho Đảng đến giọt máu cuối cùng" (27).

Hiện thực ấy của cách mạng nước ta và việc xây dựng Đảng ta, ngay cả sau khi đã bị áp đặt thành "Đảng cộng sản Đông Dương" và xuyên suốt đến ngày khôi phục lại "Đảng Lao động Việt Nam", hiển nhiên đã bắt nguồn từ "Chính cương" và "Sách lược" do Bác Hồ nêu ra đầu tiên chứ không phải từ "Luận cương" và "Nghị quyết" của Trần Phú mang về thay thế. Sau này khi nói về "Mặt trận dân tộc thống nhất", người còn vạch rõ rằng: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam" (28).

Bàn về vai trò của trí thức trong cuộc cách mạng của công nhân, từ năm 1921 khi còn ở nước ngoài Bác đã nhấn mạnh rằng : "Ở Ấn Độ, ở Nhật Bản, ở Trung Quốc, nhất là ở Trung Quốc, phần nhiều là các nhà trí thức trung thành với sự nghiệp của giai cấp công nhân đang lãnh đạo giai cấp này trong cuộc đấu tranh" (13). Nhận định rất trung thực đó của Bác Hồ từ năm 1924 cũng được xác minh đến khi thành lập Đảng cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 cho tới mãi sau này ở nước ta.

Cũng như nói về “tư bản” trong mặt trận chống “đế quốc”, thì Bác lại nêu bật một hiện thực lớn trên thế giới: “Ăngghen dù là con nhà tư bản, ông đã trở nên một người thầy dạy chủ nghĩa cộng sản cho chúng ta”. Rồi nói luôn về “địa chủ” trong mặt trận chống đế quốc, chính Bác còn nhấn mạnh rằng: “Đồng chí Bành Bái ở Trung Quốc, gia đình đồng chí ấy là đại địa chủ, đại phong kiến, nhưng đồng chí ấy đã tổ chức và lãnh đạo nông dân đấu tranh rất quyết liệt chống địa chủ và phong kiến... Địa chủ cũng có đôi người làm cách mạng, nước ta cũng như các nước khác, ta cũng có vài đồng chí đại địa chủ mà làm cách mạng, hồi bí mật có bao nhiêu tiền của giúp cho Đảng hết, cam chịu tù đầy. Họ tuy là người trong giai cấp địa chủ, nhưng lập trường và tư tưởng đã đứng về phe vô sản, là người của giai cấp công nhân... Đồng chí xuất thân là địa chủ, nhưng họ tự nguyện hiến hết ruộng đất, để chia cho nông dân, như thế thì không có gì đáng xấu hổ. Dù mọc ở bùn thối lên nhưng hoa sen vẫn thơm đẹp. Địa chủ mà thật thà tiến bộ thì cũng như hoa sen vậy” (29).

Rõ ràng từ những tổng kết trên cả thế giới và qua các nhà yêu nước tiền bối của mình, Bác Hồ đã nêu rõ về “địa chủ” về “tư bản”, về “trí thức”, trong Chính cương và Sách lược để xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1930 xuyên suốt cách mạng nước ta.

Chỉ sau mấy năm Đảng ta bị tan vỡ do cuộc khủng bố trắng hồi 1931-1932 của thực dân và phong kiến, tới khi có thể khôi phục tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng trên cả đất nước, Bác lại tiếp tục chủ trương mặt trận thống nhất “Hoa Nam, Đông Dương, Thái Lan, Malaisia”, Bác Hồ đã tự thấy có “bổn phận bức thiết đối với các Đảng của chúng tôi là phải đề xuất” một số đề nghị trong đó có việc “thực hiện mặt trận thống nhất”. Nhờ đấy ngay từ những năm 1936-1939, “Mặt trận dân tộc dân chủ” theo đường lối của Bác lại khôi phục phong trào cách mạng rất rộng rãi sôi nổi khắp nước ta, bằng cách “kết hợp hoạt động bất hợp pháp và hoạt động hợp pháp” đúng như Bác đã nêu trong thư vừa kể (30).

“Mặt trận dân tộc dân chủ” bấy giờ quả nhiên đã bắc một nhịp cầu có vị trí quyết định đối với phong trào cứu quốc từ năm 1941, khi Bác về nước triệu tập ngay Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 lập “Việt Nam độc lập đồng minh” tức “Mặt trận dân tộc thống nhất” giành độc lập của dân tộc. Trong bức thư ngày 6 tháng 6 năm 1941 ký Nguyễn Ái Quốc gửi toàn thể đồng bào, kêu gọi “các bậc phụ huynh, các hiền nhân và chí sĩ, các bạn sĩ, nông, công, thương, binh”, từ đấy Bác càng nêu bật là phải đặt “quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”, và càng nhấn mạnh “toàn dân đoàn kết” để ai nấy đều “hiệp lực đồng tâm” (31).

Từ đấy, rõ ràng “độc lập đồng minh” đã trở về đúng với cội nguồn là “phản đế đồng minh” từng được đề ra ngay trong Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930, và tinh thần căn bản của “Chính cương” và “Sách lược” do Bác Hồ từng khởi thảo cho Đảng cộng sản Việt Nam lại được khôi phục hoàn toàn với “Mặt trận dân tộc thống nhất”, trở thành bí quyết thành công của cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1945, tiếp đến các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế

quốc Mỹ. Thế nhưng phải chăng có những lúc khối “đoàn kết dân tộc” lại bị phá vỡ bởi cuộc “đấu tranh giai cấp” đã bị áp dụng một cách giáo điều sai với tư tưởng của Lênin và quan điểm của Bác Hồ ? Và phải chăng đó chính là những lúc mà trong Đảng ta có các quan điểm đối lập hẳn với Bác Hồ trong việc vận dụng lý luận của Lênin về “vấn đề dân tộc” và “vấn đề giai cấp” ?

Trong Đảng ta hơn một nửa thế kỷ vừa qua, rõ ràng chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo duy nhất nêu bật lời của Lênin “Kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông”, khi Người nhắc phải vận dụng sáng tạo các lý luận cộng sản. Đây chính là mối quan tâm của Lênin về “vấn đề nông dân” do Bác tiếp thu như một “vấn đề giai cấp” gắn với “vấn đề dân tộc” mà Bác coi thực chất là “vấn đề nông dân”. Đứng trên quan điểm giai cấp công nhân của một chiến sĩ quốc tế cộng sản, cuối năm 1923 tại Đại hội quốc tế nông dân ở Mátxcơva, Bác đã xác định rằng “nông dân là quần chúng căn bản” có nghĩa như thế nào khi bản tham luận quan trọng của Người vạch rõ :

“Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử phải lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa nịnh nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lênin mà thôi” (32).

Bấy giờ, mới cuối năm 1923, chưa xuất hiện “chủ nghĩa Mao” là thứ chủ nghĩa cơ hội “nịnh nông dân”, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu của cách mạng và là đội ngũ cách mạng nhất. Song đến “Chỉ thị Trung ương” ngày 20 tháng 3 năm 1931 của Đảng cộng sản Đông Dương do Trần Phú làm Tổng Bí thư, thì lúc nêu bạn “đồng minh sinh tử của giai cấp công nhân”, lại nhấn mạnh rằng “giai cấp nông dân là một lực lượng chủ yếu của cách mạng” nước ta (33).

Phải chăng cũng do cái chủ nghĩa cơ hội “nịnh nông dân” ấy, mà ngay trong đầu năm 1931 Trần Phú vừa về nước đã có lệnh: “thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ” ? Rõ ràng chỉ thị kia đã đối lập hẳn với “yêu cầu giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân” từng do Bác Hồ nêu lên khi vạch rõ rằng: “Trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta thì vấn đề dân tộc lại thực chất là vấn đề nông dân, thì cách mạng dân tộc thực chất là cách mạng của nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo” (34).

Đứng trên lập trường giai cấp vô sản để giải quyết vấn đề dân tộc ở một nơi mà nông dân đông tới 90% dân số cả nước, Bác Hồ lại không hề mang tư tưởng biệt phái về giai cấp công nhân như nhiều Đảng cộng sản bên phương Tây bấy giờ, chỉ nêu “đấu tranh giai cấp” chứ không bàn tới “đoàn kết dân tộc” ở các thuộc địa là một yêu cầu to lớn. Bởi vậy, đến năm 1924 khi Lênin vừa qua đời, Bác vẫn thẳng thắn phê phán những tư tưởng biệt phái về giai cấp trong vấn đề dân tộc, khi nhân danh các dân tộc mà viết: “Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một bậc thầy, thì các dân

tộc phương Đông lại thấy Lênin là một con người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa” (35).

Bác không chỉ nhìn thấy giai cấp trong đấu tranh, mà rộng hơn nữa, còn nhìn thấy dân tộc và con người trong cách mạng. Cho nên tới năm 1925 lại nhắc đến Lênin trong lòng các dân tộc mất nước, Bác cũng vẫn thẳng thắn gạt bỏ tư tưởng biệt phái về giai cấp ở các Đảng cộng sản bên phương Tây bấy giờ đang rất coi thường vấn đề dân tộc, khi Bác có thể làm méch lòng cả Stalin mà viết rõ ra rằng: “Lênin đã đặt cơ sở cho một kỷ nguyên mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa. Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án một thành kiến về vấn đề này còn âm ỷ trong đầu óc của nhiều nhà cách mạng châu Âu và châu Mỹ” (36).

Dù là một nhà cách mạng phương Đông sinh ra từ Grudia, nhưng Stalin vẫn cứ cho rằng: “Vấn đề dân tộc ở nước Nga chỉ là một vấn đề thứ yếu”! Tư tưởng biệt phái coi nhẹ vấn đề dân tộc để chỉ nhấn mạnh vấn đề giai cấp, phải chăng còn có nguyên nhân cụ thể từ các quan niệm xuyên tạc về sự hình thành dân tộc? Vận dụng lý luận của Mác trong vấn đề dân tộc, Stalin cũng đã trình bày sai về Mác, và sai lạc cả lịch sử của nhiều dân tộc khi lại cho rằng: “Quá trình tan rã của chế độ phong kiến và phát triển chủ nghĩa tư bản đã đồng thời là một quá trình của sự tập hợp những con người thành dân tộc... Không còn nghi ngờ gì nữa là chỉ đến những giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản thì các dân tộc mới được tập hợp” (37).

Quan điểm đó của Stalin rõ ràng không thể xác thực đối với Việt Nam mà sự hình thành dân tộc đã có quá trình lịch sử từ trước đây mấy ngàn năm, chứ không chờ tới ngày tan rã của chế độ phong kiến và ngày có mặt chủ nghĩa tư bản phương Tây kéo sang hơn một trăm năm vừa qua. Thế nhưng chính do quan niệm không xác thực ấy đối với cả Cao Miên và Lào vốn cũng hình thành quốc gia từ rất lâu đời, cho nên mới đem ghép hai nước đó vào một “Đảng cộng sản Đông Dương” trái với quan điểm của Lênin về “vấn đề dân tộc”, khi đã có một văn kiện từ Liên Xô “gửi cho những người cộng sản ở Đông Dương” lại coi Cao Miên và Lào chỉ là “dân tộc thiểu số”! (38).

Từ những lời của Lênin kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông, đến “Chính cương” và “Sách lược” của Đảng cộng sản Việt Nam, Bác Hồ đã trải qua bao đoạn chống chọi với chủ nghĩa giáo điều và tư tưởng biệt phái ở phương Tây cả trong vấn đề giai cấp và trong vấn đề dân tộc. Rồi tới những năm Đảng ta từng bước đưa “Chính cương” và “Sách lược” của Bác vào thực tiễn, thì Bác lại trải qua bao đoạn chống chọi với luận điệu xuyên tạc và thủ đoạn áp đặt từ châu Âu sang châu Á cũng như chung quanh Người. Song các thành công và thất bại của Đảng trong sáu chục năm vừa qua phải chăng cũng đã chứng tỏ rằng: Chỉ có thực hiện và phát triển đúng “Chính cương” và “Sách lược” của Bác mới đạt được thành công và tránh được thất bại!

Khẳng định chân lý ấy giữa lúc đang có cuộc khủng hoảng tư tưởng trong đảng

viên và đại chúng, càng đòi hỏi nhiều trí tuệ và tâm huyết để nói thẳng các sự thật to lớn và rất đau lòng ! Mỗi cán bộ tự thấy cần suy nghĩ về vận mệnh của đất nước đang vượt qua bao khó khăn chông chênh, ắt cũng tự hỏi rằng những khó khăn chông chênh ấy hiện nay phải chăng đã có một nguyên do hết sức nghiêm trọng. Bắt đầu thống nhất nước nhà, giành được độc lập trọn vẹn, thì lại làm sai "Chính cương" và "Sách lược" của Bác từng vạch ra để xây dựng Đảng ta suốt nửa thế kỷ vừa qua ?

Vậy thì để suy nghĩ về vấn đề to lớn của hơn một nửa thế kỷ sẽ tới, cũng cần hết sức nghiêm túc xem xét nguyên do từ đâu mà lúc bắt đầu đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội là việc gắn liền với nền độc lập dân tộc, lại đã toan đổi "Quốc ca" sau khi xoá bỏ tên nước "Việt Nam dân chủ cộng hòa" và đổi thành nước "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" ? Liệu điều đó có liên quan như thế nào với sự kiện xoá bỏ "Chính cương" và "Sách lược" do Bác Hồ đã khởi thảo cho Đảng cộng sản Việt Nam, rồi áp đặt bản "Luận cương chính trị" của Trần Phú mà sáu chục năm vừa qua vẫn được coi là "Cương lĩnh cách mạng" đầu tiên của một Đảng do Bác từng sáng lập và đào luyện !

Thế nhưng trong lúc nêu bật các điều trên đây, thì bản báo cáo chính trị năm 1976 lại nhiều lần nhấn mạnh rằng sau khi đã thống nhất, trên đất nước ta vẫn diễn ra một "quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai giai cấp tư sản và vô sản". Ngay lúc bắt đầu kế hoạch những năm 1976-1980 nhằm "hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam", bản báo cáo đã khẳng định "cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản" (39).

Phải chăng báo cáo chính trị của Đảng năm 1976 vẫn mang ảnh hưởng bản luận cương chính trị của Trần Phú năm 1930, chứ không căn cứ vào "Chính cương" và "Sách lược" do Bác Hồ vạch ra để giành độc lập dân tộc và để đi lên chủ nghĩa xã hội? Làm sao vừa nhờ "đoàn kết dân tộc" mà đánh bại được đế quốc và nguy quyền, lại liền quay ra "đấu tranh giai cấp" một cách quyết liệt để rồi đối đầu với các đồng minh cách mạng đã cùng giai cấp công nhân giành lấy độc lập dân tộc, chỉ vì muốn sớm áp đặt vào miền Nam một thứ quan liêu bao cấp từng bị thất bại ở miền Bắc!

Bác Hồ đã vượt qua bao giáo điều và áp đặt mới có thể dắt dẫn cả dân tộc đi tới được những đỉnh cao thẳng lợi của đất nước trong thế kỷ XX này. Song phải chăng cũng do các giáo điều từng đem áp đặt khác hẳn "Chính cương" và "Sách lược" của Người, mà Đảng ta và đất nước phải gánh chịu những tổn thất nặng nề do để sai lầm nghiêm trọng như trong cái cách ruộng đất v.v...?

Tư liệu góp bàn về vấn đề "Xây dựng Đảng" ắt còn có thể kể ra nhiều nữa. Tôi chỉ xin nêu một phần, mong được cho thêm ý kiến, để kịp bổ khuyết và trình Đại hội với tất cả tấm lòng vì lợi ích của đất nước.

ĐÀO PHAN

NGUỒN : **Xưa & Nay**, số 327 (tháng 3.2009) và 329 (tháng 4.2009)
bản đầy đủ đăng trên **talawas**

- (1) Lê Mậu Hãn, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, tháng 5-1990, tr. 18.
- (2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Sự thật, H, 1981, tập 2, tr. 303.
- (3) *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng biên soạn, Nxb Sự thật, H, tr. 38-39, và 40.
- (4) *Văn kiện Đảng, 1930-1945*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng xuất bản, Hà Nội, 1977, tr. 84-85 và 87.
- (5) *Tạp chí Lịch sử Đảng*, bài đã dẫn, tr. 22.
- (6) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 189-190 (BCH Trung ương lâm thời tháng 2 năm 1930 gồm có : Trịnh Đình Cửu, Trần Lan, Nguyễn Hơi, Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao, Hạ Bá Cang, Phạm Hữu Lầu. -BCH Trung ương do Trần Phú về lập ra tháng 10 năm 1930 gồm có : Trần Phú, Trần Văn Lan, Lê Mao, Nguyễn Phong Sắc, Ngô Đức Trì, Nguyễn Trọng Nha, Lưu Lập Đạo).
- (7) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 187 và 191.
- (8) V. Lênin, *Toàn tập*, bản tiếng Pháp, Nxb Ngoại văn, Moscou, T. 26, tr. 255 và 257.
- (9) V. Lênin, *Toàn tập*, sđd, T. 36, tr. 609 và 613.
- (10) *Tạp chí Lịch sử Đảng*, bài đã dẫn, tr. 20.
- (11) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 190-191 và 194.
- (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 3, tr. 45.
- (13) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 3, tr. 52-54.
- (14) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 87.
- (15) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 80 và 85.
- (16) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 2, tr. 1 và 2.
- (17) J. Stalin, *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Nxb Ngoại văn, Moscou, 1954, bản tiếng Pháp, tr. 35.
- (18) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 1, tr. 314-315.

- (19) Lê Mậu Hãn, *Tạp chí Lịch sử đảng*, tháng 5-1990, tr.19.
- (20) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 7 tr. 204 và 206 (xem thêm V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 39, bản tiếng Việt, tr. 372).
- (21) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 4, tr. 491.
- (22) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 2, tr. 297.
- (23) *Văn kiện Đảng, 1930-1945*, Ban NCLSD xuất bản, H, 1977, tr.67 và 70.
- (24) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 84-85.
- (25) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 194.
- (26) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 175-176 và 178.
- (27) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 286-287
- (28) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 9, tr. 403.
- (29) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 1, tr. 250
- (30) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 6, tr. 357 và 396.
- (31) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 3, tr. 55, 58 và 114.
- (32) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 3, tr. 147 và 148.
- (33) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 1, tr. 157-158.
- (34) *Văn kiện Đảng*, sđd. tr. 224.
- (35) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 8, tr. 604.
- (36) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 1, tr 232.
- (37) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T. 2, tr.1.
- (38) J. Sta-lin, *sđd*, tr. 19 và 43.
- (39) *Văn kiện Đảng*, sđd, tr. 43.

Copyright © 2006 by Dien Dan Forum, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine, France
diendan@diendan.org